

# Bài tập về Danh từ đếm được và Danh từ không đếm được có đáp án

## Danh từ đếm được và danh từ không đếm được

### 1. Danh từ đếm được

- Là những danh từ có thể đếm được. Ví dụ: girl, picture, cat, chair, tree, apple
- Trước danh từ số ít chúng ta có thể dùng “a/an”

Ví dụ: That's a good idea.

Do you need an umbrella?

Chú ý: chúng ta không thể dùng danh từ số ít một mình.

### 2. Danh từ không đếm được

- Ví dụ: music, rice, money, bread, gold, blood.....
- Trước những danh từ không đếm được, chúng ta có thể dùng some, the, much, không thể dùng “a/an”.

Ví dụ: some gold, the music, much excitement....

- Một số danh từ không đếm được trong tiếng Anh:

accommodation	advice	furniture	luggage	bread	permission	traffic	trouble
weather	travel	work	information	news	progress	beauty	coffee
courage	oil	water	soap	wood	wine	knowledge	glass

**Chú ý:** news có “s” nhưng không phải là danh từ số nhiều.

- Nhiều danh từ có thể dùng được như danh từ đếm được hoặc không đếm được. Thường thì về ý nghĩa chúng có sự khác nhau.

**Ví dụ:**

### Paper

- ☐ I bought a paper (= tờ báo, đếm được)
- ☐ I bought some papers (= giấy viết, không đếm được)

### Hair

- ☐ There's a hair in my soup. (= một sợi tóc, đếm được)
- ☐ She has beautiful hair (= mái tóc, không đếm được)

## **Experience**

☐ We had many interesting experiences during our holiday. (= hoạt động, đếm được)

☐ You need experience for this job (= kinh nghiệm, không đếm được)

## **Work**

☐ He is looking for work(=công việc, không đếm được)

☐ Jack London wrote many works(=tác phẩm, đếm được)

• Một số ngoại lệ: một số danh từ không đếm được vẫn có thể đi với “a/an” trong một số trường hợp như sau:

### **A help:**

☐ A good map would be a help.

### **A knowledge of:**

☐ He had a good knowledge of mathematics.

### **A fear/ a relief:**

☐ There is a fear that he has been murdered.

☐ It was a relief to sit down.

### **A pity/shame/wonder:**

☐ It's a pity you weren't here.

☐ It's a shame he wasn't paid.

### **Bài tập 1:** Chọn đáp án đúng:

1. If you want to hear the news, you can read paper/ a paper.
2. I want to write some letters but I haven't got a paper/ any paper to write on.
3. I thought there was somebody in the house because there was light/a light on inside.

4. Light/a light comes from the sun.
5. I was in a hurry this morning. I didn't have time/ a time for breakfast.
6. "did you enjoy your holiday?" – "yes, we had wonderful time/ a wonderful time."
7. Sue was very helpful. She gives us some very useful advice/advice.
8. We had very bad weather/a very bad weather while we were on holiday.
9. We were very unfortunate. We had bad luck/a bad luck.
10. It's very difficult to find a work/job at the moment.
11. I had to buy a/some bread because I wanted to make some sandwiches.
12. Bad news don't/doesn't make people happy.
13. Your hair is/ your hairs are too long. You should have it/them cut.
14. Nobody was hurt in the accident but the damage /the damages to the car was/were quite bad.

**Bài tập 2:** Hoàn thành câu sử dụng những từ cho dưới đây. Sử dụng a/an khi cần thiết.

accident, biscuit, blood, coat, decision, electricity, key, letter, moment, music, question, sugar

1. It wasn't your fault. It was.....
2. Listen!can you hear.....?
3. I couldn't get into the house because I didn't have .....
4. It's very warm today. Why are you wearing.....?
5. Do you take .....in your coffee?
6. Are you hungry? Would you like .....with your coffee?
7. Our lives would be very difficult without.....
8. I didn't phone them. I wrote.....instead.
9. The heart pumps .....through the body.
10. Excuse me, but can I ask you.....?
11. I'm not ready yet. Can you wait....., please?
12. We can't delay much longer. We have to make .....soon.

**Bài 1:**

- |                     |                     |
|---------------------|---------------------|
| 1. a paper          | 8. very bad weather |
| 2. any paper        | 9. bad luck         |
| 3. a light          | 10. a job           |
| 4. light            | 11. some            |
| 5. time             | 12. doesn't         |
| 6. a wonderful time | 13. your hair, is   |
| 7. advice           | 14. the damage, was |

## **Bài 2:**

- |                |                |
|----------------|----------------|
| 1. an accident | 7. electricity |
| 2. music       | 8. a letter    |
| 3. a key       | 9. blood       |
| 4. a coat      | 10. a question |
| 5. sugar       | 11. a moment   |
| 6. a biscuit   | 12. a decision |

## **Bài tập 3:** Viết sang số nhiều những từ trong ngoặc đơn

1. Study the next three (chapter).
2. Can you recommend some good (book)?
3. I had two (tooth) pulled out the other day.
4. You can always hear (echo) in this mountain.
5. They are proud of their (son-in-law).
6. Did you raise these (tomato) in your garden?
7. I think we need two (radio).
8. My (foot) really hurt.
9. The (roof) of these houses are tiled.
10. Get me two (loaf) of bread.

## **Bài tập 4:** Chữa những lỗi sai (nếu có) trong các câu sau đây.

1. There are many dirts on the floor.
2. We want more fuels than that.
3. He drank two milks.
4. Ten inks are needed for our class.
5. He sent me many foods.
6. Many golds are found there.
7. He gave me a great deal of troubles.
8. cows eat glasses.
9. The rain has left many waters.
10. I didn't have many luggages.

## **Đáp án**

## **Bài 3:**

1. chapters

2. books

3. teeth

4. echoes

5. sons-in-law

6. tomatoes

**Bài 4:**

1. There is much dirt on the floor.

2. We want more fuel than that.

3. He drank two glasses of milk.

4. Ten pens are needed for our class.

5. He sent me much food.

7. radios

8. feet

9. roofs

10. loaves

6. Much gold is found there.

7. He gave me a lot of trouble.

8. Cows eat grass.

9. The rain has left much water.

10. I didn't have much luggage.